

Số: 27/2015/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2015

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ..... 5 .....
	Ngày: ..... 07/8 .....

## THÔNG TƯ

### Hướng dẫn thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động

*Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Việc làm;*

*Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động.*

### Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thu thập, lưu trữ và tổng hợp thông tin thị trường lao động thuộc thẩm quyền của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tại Khoản 2 Điều 24 Luật Việc làm.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật Việc làm.
2. Người sử dụng lao động theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Bộ luật Lao động.
3. Người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn.
4. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (*sau đây được viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã*).
5. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (*sau đây được viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện*).
6. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*sau đây được viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*).

7. Các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến nội dung quy định tại Thông tư này.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Cơ sở dữ liệu thị trường lao động gồm hai phần là cơ sở dữ liệu Cung lao động và cơ sở dữ liệu Cầu lao động:

1. Cơ sở dữ liệu Cung lao động gồm các thông tin cơ bản về nhân khẩu học, trình độ giáo dục phổ thông, trình độ chuyên môn kỹ thuật, lĩnh vực giáo dục - đào tạo, tình trạng hoạt động kinh tế của người lao động.

2. Cơ sở dữ liệu Cầu lao động gồm các thông tin cơ bản về loại hình, ngành nghề kinh doanh, việc sử dụng lao động và nhu cầu sử dụng lao động của người sử dụng lao động.

## **Chương II**

### **THU THẬP THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG**

#### **Mục 1. Thu thập thông tin về Cung lao động**

#### **Điều 4. Đối tượng thu thập**

Đối tượng thu thập thông tin về Cung lao động là người lao động.

#### **Điều 5. Nội dung thu thập**

1. Nhân khẩu học gồm các thông tin về họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, dân tộc.

2. Trình độ giáo dục phổ thông.

3. Trình độ chuyên môn kỹ thuật, lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

4. Đang tham gia hoạt động kinh tế:

a) Đối với người có việc làm thu thập các thông tin về vị thế việc làm, công việc đang làm, nơi làm việc, loại hình kinh tế;

b) Đối với người thất nghiệp thu thập các thông tin đã từng làm việc hoặc chưa bao giờ làm việc; thời gian thất nghiệp.

5. Không hoạt động kinh tế theo lý do.

#### **Điều 6. Thời điểm, thời gian thu thập**

1. Thời điểm thu thập thông tin là ngày 01 tháng 7 hằng năm.

2. Thời gian thu thập thông tin 30 ngày, bắt đầu từ thời điểm thu thập quy định tại Khoản 1 Điều này.

## **Điều 7. Phương thức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện những việc sau:

a) Thu thập thông tin ban đầu, cập nhật thông tin biến động của người lao động có tên trong sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại các Điều 4, 5, 6 theo thôn, bản, ấp, tổ dân phố và tương đương (sau đây được viết tắt là thôn) vào sổ ghi chép thông tin thị trường lao động – phần Cung lao động (sau đây được viết tắt là sổ Cung lao động) ban hành kèm theo Thông tư này từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hằng năm;

b) Nhận và bàn giao sổ Cung lao động phục vụ việc thu thập, nhập thông tin Cung lao động theo kế hoạch của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc thu thập thông tin ban đầu, cập nhật thông tin biến động của người lao động.

3. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện những việc sau:

a) Xây dựng kế hoạch tổ chức thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin Cung lao động của địa phương;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện để chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thu thập thông tin của người lao động;

c) Tổ chức nhập và quản lý thông tin ban đầu, thông tin biến động của người lao động vào hệ thống Cơ sở dữ liệu thị trường lao động của địa phương;

d) Chuyển tải dữ liệu Cung lao động của địa phương vào hệ thống Cơ sở dữ liệu thị trường lao động Quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 30 tháng 9 hằng năm.

## **Mục 2. Thu thập thông tin về Cầu lao động**

### **Điều 8. Đối tượng thu thập**

Đối tượng thu thập thông tin về Cầu lao động là người sử dụng lao động.

### **Điều 9. Nội dung thu thập**

1. Thông tin định danh gồm tên, địa chỉ, loại hình và mã số của người sử dụng lao động.

2. Ngành, nghề kinh doanh chính.

3. Tiền lương.

4. Số lượng lao động đang làm việc theo giới tính, loại lao động, hợp đồng lao động, vị trí việc làm, trình độ giáo dục phổ thông, trình độ chuyên môn kỹ thuật.

5. Số lao động có nhu cầu tuyển theo trình độ chuyên môn kỹ thuật.

#### **Điều 10. Thời điểm, thời gian thu thập**

1. Thời điểm thu thập thông tin là ngày 01 tháng 7 hằng năm.

2. Thời gian thu thập thông tin 30 ngày, bắt đầu từ thời điểm thu thập quy định tại Khoản 1 Điều này.

#### **Điều 11. Phương thức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện những việc sau:

a) Ghi chép thông tin ban đầu, cập nhật thông tin biến động của người sử dụng lao động có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương quy định tại các Điều 8, 9 và 10 vào sổ ghi chép thông tin thị trường lao động – phân Cầu lao động (*sau đây được viết tắt là sổ Cầu lao động*) ban hành kèm theo Thông tư này từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hằng năm;

b) Nhận và bàn giao sổ Cầu lao động phục vụ việc thu thập, nhập thông tin Cầu lao động theo kế hoạch của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

2. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện những việc sau:

a) Xây dựng kế hoạch tổ chức thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin Cầu lao động của địa phương;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thu thập thông tin của người sử dụng lao động;

c) Tổ chức nhập và quản lý thông tin ban đầu, thông tin biến động của người sử dụng lao động vào hệ thống Cơ sở dữ liệu thị trường lao động của địa phương;

d) Chuyển tải dữ liệu Cầu lao động của địa phương vào hệ thống Cơ sở dữ liệu thị trường lao động Quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 30 tháng 9 hằng năm.

### **Mục 3. Thu thập thông tin về người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt nam**

#### **Điều 12. Đối tượng thu thập**

Đối tượng thu thập thông tin là người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư này.

### **Điều 13. Nội dung thu thập**

1. Thông tin cá nhân gồm họ và tên, quốc tịch, ngày tháng năm sinh, giới tính, hộ chiếu.
2. Giấy phép lao động.
3. Việc làm đang làm gồm các thông tin về vị trí việc làm, mức lương trung bình.

### **Điều 14. Thời gian thu thập, phương thức thực hiện**

Thời gian thu thập, phương thức thực hiện, biểu mẫu để thu thập thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

#### **Mục 4. Thu thập thông tin người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

### **Điều 15. Đối tượng thu thập**

Đối tượng thu thập thông tin là người lao động quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư này đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

### **Điều 16. Nội dung thu thập**

1. Nhân khẩu học gồm các thông tin về họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, quê quán, hộ chiếu.
2. Việc làm tại nước ngoài gồm các thông tin về thời hạn hợp đồng, thời gian xuất cảnh, ngành nghề, địa chỉ làm việc.
3. Thời gian về nước, nguyên nhân.

### **Điều 17. Thời gian thu thập, phương thức thực hiện**

Thời gian thu thập, phương thức thực hiện, biểu mẫu thu thập thực hiện theo quy định của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và các văn bản hướng dẫn.

## **Chương III**

### **LƯU TRỮ, QUẢN LÝ THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG**

### **Điều 18. Lưu trữ thông tin thị trường lao động**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã lưu trữ sổ Cung lao động.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện lưu trữ sổ Cầu lao động và các báo cáo về thông tin thị trường lao động.

3. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, quản lý thông tin thị trường lao động tại địa phương và chuyển tải dữ liệu vào hệ thống Cơ sở dữ liệu thị trường lao động Quốc gia đặt tại Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để lưu trữ.

### **Điều 19. Quản lý Cơ sở dữ liệu thị trường lao động**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm quản lý, bảo mật thông tin của người lao động, người sử dụng lao động được ghi chép trong sổ Cung lao động, sổ Cầu lao động.

2. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý Cơ sở dữ liệu thị trường lao động của địa phương; quản trị, điều hành hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu thị trường lao động địa phương.

Sở lao động – Thương binh và Xã hội được cấp tài khoản sử dụng để khai thác Cơ sở dữ liệu thị trường lao động và chịu trách nhiệm trong việc sử dụng tài khoản được cấp.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giao Cục Việc làm chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, quản lý và vận hành hoạt động của Cơ sở dữ liệu thị trường lao động Quốc gia; hỗ trợ các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu thị trường lao động.

## **Chương IV**

### **TỔNG HỢP VÀ PHỔ BIẾN THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG**

#### **Điều 20. Tổng hợp, báo cáo thông tin thị trường lao động**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp và báo cáo thông tin thị trường lao động của xã theo **Mẫu số 01** ban hành kèm theo Thông tư này gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua phòng Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 10 tháng 8 hằng năm.

2. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tổng hợp và báo cáo thông tin thị trường lao động của huyện theo **Mẫu số 02** ban hành kèm theo Thông tư này gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 30 tháng 8 hằng năm.

3. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo thông tin thị trường lao động của tỉnh theo **Mẫu số 03** ban hành kèm theo Thông tư này gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và gửi Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thông qua Cục Việc làm trước ngày 30 tháng 9 hằng năm.

4. Việc báo cáo về tình hình người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và tình hình người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Báo cáo quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này được gửi theo đường bưu điện hoặc theo đường truyền internet theo quy định của pháp luật.

### **Điều 21. Công bố thông tin về thị trường lao động**

1. Thông tin thị trường lao động phải được công bố công khai, đúng thời hạn của từng loại thông tin và từng loại đối tượng, trừ những thông tin phải được bảo mật quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Luật Việc làm.

2. Phương tiện, hình thức công bố thông tin thị trường lao động bao gồm báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử (Website) và các ấn phẩm khác.

3. Người có thẩm quyền công bố thông tin thị trường lao động theo quy định tại Điều 24 của Luật Việc làm chịu trách nhiệm về độ tin cậy của thông tin đã công bố.

4. Thông tin thị trường lao động được người có thẩm quyền công bố theo quy định tại Khoản 3 Điều này là thông tin có giá trị pháp lý.

5. Định kỳ công bố thông tin: Hằng năm.

### **Điều 22. Sử dụng thông tin thị trường lao động**

1. Thông tin thị trường lao động được công bố quy định tại Điều 21 Thông tư này là tài sản công. Mọi tổ chức, cá nhân đều bình đẳng trong việc tiếp cận, sử dụng thông tin thị trường lao động đã được công bố.

2. Việc trích dẫn, sử dụng thông tin thị trường lao động đã được công bố phải trung thực và ghi rõ nguồn gốc của thông tin.

3. Nghiêm cấm việc sử dụng thông tin thị trường lao động vào những việc phương hại đến lợi ích Quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

## Chương V

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **Điều 23. Trách nhiệm của đối tượng cung cấp thông tin thị trường lao động**

Người lao động, người sử dụng lao động có trách nhiệm cung cấp trung thực, đầy đủ các thông tin được quy định tại các Điều 5 và 9 Thông tư này.

#### **Điều 24. Trách nhiệm của người trực tiếp thực hiện thu thập thông tin thị trường lao động**

1. Kiểm tra thông tin về người lao động, ghi sổ theo dõi, nhập dữ liệu và trả lại tài liệu cho nơi đã giao.

2. Giữ gìn, bảo mật thông tin, tài liệu có liên quan; không sửa chữa, tẩy xóa hoặc làm hư hỏng tài liệu, thông tin và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của các dữ liệu đã nhập, thống kê, báo cáo theo quy định.

#### **Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Quản lý sổ Cung lao động và tổ chức thu thập thông tin ban đầu, cập nhật thông tin biến động của người lao động trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

2. Kiểm tra, giám sát việc thu thập thông tin Cung lao động; tổng hợp và báo cáo thông tin thị trường lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Thông tư này và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

#### **Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 25 Thông tư này.

2. Quản lý sổ Cầu lao động và tổ chức thu thập thông tin ban đầu, cập nhật thông tin biến động của người sử dụng lao động trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

3. Kiểm tra, giám sát việc thu thập thông tin thị trường lao động; tổng hợp và báo cáo thông tin thị trường lao động theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 Thông tư này và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

#### **Điều 27. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch, kinh phí thực hiện việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 26 Thông tư này.



3. Kiểm tra, giám sát việc thu thập thông tin thị trường lao động; tổng hợp và báo cáo thông tin thị trường lao động theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 Thông tư này và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

#### **Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân bổ ngân sách thực hiện thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động.

2. Chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức thu thập thông tin thị trường lao động trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

#### **Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Giao Cục Việc làm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện những việc sau:

a) Hằng năm xây dựng kế hoạch và dự toán để thực hiện in sổ Cung lao động, sổ Cầu lao động, hướng dẫn và hỗ trợ địa phương thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động; quản lý hệ thống lưu trữ, tổng hợp Cơ sở dữ liệu thị trường lao động Quốc gia;

b) Kiểm tra, giám sát việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động của các địa phương;

c) Tổng hợp, báo cáo thông tin thị trường lao động và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Giao Cục Quản lý lao động ngoài nước thực hiện những việc sau:

a) Hằng năm xây dựng kế hoạch, dự toán thực hiện hướng dẫn và hỗ trợ địa phương thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

b) Kiểm tra, giám sát việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

c) Tổng hợp, báo cáo thông tin người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

3. Giao Trung tâm thông tin hướng dẫn xây dựng và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cho hệ thống Cơ sở dữ liệu thị trường lao động Quốc gia.

#### **Điều 30. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2015.

2. Thông tư số 25/2009/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2009 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thu thập và xử lý thông tin cung, cầu lao động hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

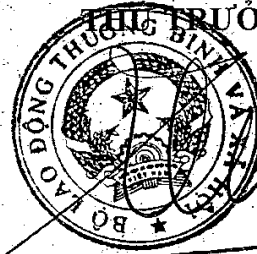
3. Trong quá trình thực hiện, nếu vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Website Bộ LĐTBXH;
- Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, CVL (70 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỦ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thanh Hòa**

Mẫu số 01: Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-LĐTBXH ngày 24/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN.....

Số:...../BC-UBND

**BÁO CÁO THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG CẤP XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố.....

**A. Kết quả tổng hợp của xã/phường/thị trấn**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kỳ trước	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Kỳ báo cáo
A	B	C	1	2	3	4
1	Dân số từ 15 tuổi trở lên	Người				
2	Tổng số người tham gia hoạt động kinh tế	Người				
2.1	Số người có việc làm	Người				
a	Chia theo giới tính					
	- Nam	Người				
	- Nữ	Người				
b	Chia theo ngành kinh tế					
	- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Người				
	- Công nghiệp, xây dựng	Người				
	- Thương mại, dịch vụ	Người				
2.2	Số người thất nghiệp	Người				
	Chia theo giới tính					
	- Nam	Người				
	- Nữ	Người				
3	Tổng số người không tham gia hoạt động kinh tế	Người				
	Chia theo lý do					
	- Di học	Người				
	- Khuyết tật	Người				
	- Khác	Người				

Ghi chú: Số kỳ báo cáo = Số kỳ trước + số tăng trong kỳ - số giảm trong kỳ

**B. Chi tiết từng xã/phường/thị trấn**

Đơn vị: Người

STT	Tên thôn/bản/tổ dân phố và tương đương	Kỳ trước			Kỳ báo cáo			Tăng			Giảm											
		Tổng số người có việc làm	Số người thất nghiệp	Số người không tham gia HDKT	Tổng số người có việc làm	Số người thất nghiệp	Số người không tham gia HDKT	Trong đó			Trong đó											
								Số người chuyển đến	Số thay đổi từ TN sang có VL	Số thay đổi từ không HDKT sang có việc làm	Số người chuyển đi	Số người thay đổi có việc làm sang TN	Số người từ có VL sang k.HDKT	Số người thất nghiệp	Số người không tham gia HDKT							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
1																						
2																						
3																						

Ngày tháng năm  
**Người báo cáo**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
 (Ký và đóng dấu)

Họ và tên

Ghi chú: Số kỳ báo cáo = Số kỳ trước + số tăng trong kỳ - số giảm trong kỳ

Mẫu số 02: Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-LPTBXH ngày 24/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ.....  
PHÒNG LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Số:...../BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

### BÁO CÁO THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG CẤP HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.....

#### A. Kết quả tổng hợp của huyện/quận/thị xã/thành phố

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kỳ trước	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Kỳ báo cáo
A	B	C	1	2	3	4
<b>I. Phần Công lao động</b>						
1	Dân số từ 15 tuổi trở lên	Người				
2	Tổng số người tham gia hoạt động kinh tế	Người				
2.1	Số người có việc làm	Người				
a	Chia theo giới tính					
	- Nam	Người				
	- Nữ	Người				
b	Chia theo ngành kinh tế					
	- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Người				
	- Công nghiệp, xây dựng	Người				
	- Thương mại, dịch vụ	Người				
2.2	Số người thất nghiệp	Người				
	Chia theo giới tính					
	- Nam	Người				
	- Nữ	Người				
3	Tổng số người không tham gia hoạt động kinh tế	Người				
	Chia theo lý do					
	- Đi học	Người				
	- Khuyết tật	Người				
	- Khác	Người				

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kỳ trước	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Kỳ báo cáo
A	B	C	1	2	3	4
<b>I. Phần Câu lao động</b>						
<b>1</b>	<b>Tổng số doanh nghiệp</b>	Doanh nghiệp				
	Chia theo loại hình doanh nghiệp					
	- Nhà nước	Doanh nghiệp				
	- Ngoài nhà nước	Doanh nghiệp				
	- Vốn đầu tư nước ngoài	Doanh nghiệp				
<b>2</b>	<b>Tổng số lao động</b>	Người				
2.1	Chia theo giới tính					
	- Nam	Người				
	- Nữ	Người				
2.2	Chia theo loại lao động					
	- Số lao động trực tiếp	Người				
	- Số lao động gián tiếp	Người				
	- Số lao động ngoại tỉnh	Người				
2.3	Chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật					
	- Số lao động không có trình độ CMKT	Người				
	- Số lao động có trình độ CMKT từ công nhân kỹ thuật không có bằng nghề/chứng chỉ nghề trở lên	Người				
<b>2.4</b>	<b>Nhu cầu tuyển lao động</b>	Người				

Ghi chú: Số kỳ báo cáo = Số kỳ trước + số tăng trong kỳ - số giảm trong kỳ



**II. Phần Câu lao động**

*Đơn vị: Người*

STT	Tên xã/phường/thị trấn	Kỳ trước				Kỳ báo cáo				DN mới thành lập/chuyển đến				DN chuyển đi, giải thể/phá sản, không tìm thấy					
		Tổng số doanh nghiệp	Số lao động trực tiếp	Số lao động gián tiếp	Số lao động đã qua đào tạo	Số lao động đã ký hợp đồng	Tổng số doanh nghiệp	Số lao động trực tiếp	Số lao động gián tiếp	Số lao động đã qua đào tạo	Số lao động đã ký hợp đồng	Số doanh nghiệp mới thành lập	Số lao động	Số lao động đã ký hợp đồng	Số lao động đã qua đào tạo	Số lao động đã ký hợp đồng	Số lao động đã qua đào tạo		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1																			
2																			
3																			

Ngày tháng năm  
**Người báo cáo**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm  
**Thủ trưởng đơn vị**  
 (Ký tên và đóng dấu)

**Họ và tên**

*Ghi chú: Số kỳ báo cáo = Số kỳ trước + số tăng trong kỳ - số giảm trong kỳ*



Mẫu số 03: Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2015/TT-LĐTBXH ngày 14/1/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....  
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC-SLĐTBXH

....., ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG CẤP TỈNH/THÀNH PHỐ**

Kính gửi: - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố

**A. Kết quả tổng hợp của tỉnh/thành phố**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kỳ trước	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Kỳ báo cáo
A	B	C	1	2	3	4
<b>I. Phân Cung lao động</b>						
1	Dân số từ 15 tuổi trở lên	Người				
2	Tổng số người tham gia hoạt động kinh tế	Người				
2.1	Số người có việc làm	Người				
a	Chia theo giới tính					
	- Nam	Người				
	- Nữ	Người				
b	Chia theo ngành kinh tế					
	- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Người				
	- Công nghiệp, xây dựng	Người				
	- Thương mại, dịch vụ	Người				
2.2	Số người thất nghiệp	Người				
	Chia theo giới tính					
	- Nam	Người				
	- Nữ	Người				
3	Tổng số người không tham gia hoạt động kinh tế	Người				
	Chia theo lý do					
	- Di học	Người				
	- Khuyết tật	Người				
	- Khác	Người				

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kỳ trước	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Kỳ báo cáo
A	B	C	1	2	3	4
<b>I. Phân Cầu lao động</b>						
<b>1</b>	<b>Tổng số doanh nghiệp</b>	Doanh nghiệp				
	Chia theo loại hình doanh nghiệp					
	- Nhà nước	Doanh nghiệp				
	- Ngoài nhà nước	Doanh nghiệp				
	- Vốn đầu tư nước ngoài	Doanh nghiệp				
<b>2</b>	<b>Tổng số lao động</b>	Người				
2.1	Chia theo giới tính					
	- Nam	Người				
	- Nữ	Người				
2.2	Chia theo loại lao động					
	- Số lao động trực tiếp	Người				
	- Số lao động gián tiếp	Người				
	- Số lao động ngoài tỉnh	Người				
2.3	Chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật					
	- Số lao động không có trình độ CMKT	Người				
	- Số lao động có trình độ CMKT từ công nhân kỹ thuật không có bằng nghề/chứng chỉ nghề trở lên	Người				
<b>2.4</b>	<b>Nhu cầu tuyển lao động</b>	Người				

Ghi chú: Số kỳ báo cáo = Số kỳ trước + số tăng trong kỳ - số giảm trong kỳ



**II. Phân Câu lao động**

*Đơn vị: Doanh nghiệp*

STT	Tên huyện/quận/thị xã	Kỳ trước				Kỳ báo cáo				DN mới thành lập/chuyển đến				DN chuyển đi, giải thể/phá sản, không tìm thấy					
		Tổng số doanh nghiệp trực tiếp	Số lao động gián tiếp	Số lao động qua đào tạo	Số lao động đã ký hợp đồng	Số lao động gián tiếp	Số lao động đã qua đào tạo	Số lao động đã ký hợp đồng	Số lao động đã qua đào tạo	Tổng số doanh nghiệp	Số lao động trực tiếp	Số lao động gián tiếp	Số lao động đã ký hợp đồng	Số lao động qua đào tạo	Số lao động đã ký hợp đồng	Số lao động qua đào tạo	Số lao động đã ký hợp đồng	Số lao động qua đào tạo	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1																			
2																			
3																			

Ngày tháng năm  
**Người báo cáo**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm  
**GIÁM ĐỐC**  
 (Ký và đóng dấu)

**Họ và tên**

*Ghi chú: Số kỳ báo cáo = Số kỳ trước + số tăng trong kỳ - số giảm trong kỳ*

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:.....

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố trực thuộc tỉnh:.....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Thôn (bản, ấp, tổ dân phố và tương đương): .....

Quyển số:...../.....


--

(Phường/Thị trấn=1, Xã=2)

**SỔ GHI CHÉP THÔNG TIN THỊ TRƯỞNG LAO ĐỘNG  
PHÂN CUNG LAO ĐỘNG**

(Ban hành theo Thông tư số 27/2015/TT-LĐTBXH ngày 24/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động)

Năm.....	Năm.....	Năm.....
----------	----------	----------

Họ và tên người ghi sổ

Địa chỉ liên hệ

Số điện thoại

--	--	--

--	--	--









**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương:.....

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Xã/Phường/Thị trấn: .....


Quyển số:...../.....

**SỔ GHI CHÉP THÔNG TIN THỊ TRƯỞNG LAO ĐỘNG  
PHẦN CẦU LAO ĐỘNG**

(Ban hành theo Thông tư số **27**/2015/TT-LĐTBXH ngày **24**/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động)

Thời gian ghi chép: Bắt đầu từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Số doanh nghiệp/đơn vị ghi chép: Bắt đầu từ địa chỉ:.....đến.....





Người sử dụng lao động: .....

Số thứ tự

Địa chỉ: .....

(Phương/Thị trấn = 1, Xã=2)

(Năm trong KCN/KCX)

Số điện thoại liên hệ: .....

Mã số

Thời điểm ghi chép

TT	Chi tiêu	Thời điểm ghi chép				
		Ngày...	Ngày...	Ngày...	Ngày...	Ngày...
1	Tình trạng hoạt động					
2	Loại hình					
3	Ngành, nghề kinh doanh chính					
4	Lao động đang làm việc					
4.1	Tổng số lao động đang làm việc					
4.2	Lao động ngoại tỉnh					
4.3	Lao động trực tiếp					
4.4	Lao động nữ					
4.5	Số lao động đã ký hợp đồng lao động					
	- Trong đó lao động là nữ					
4.6	Số lao động là người nước ngoài					
	- Trong đó lao động là nữ					
4.7	Lao động đã tốt nghiệp trung học phổ thông					
5	Lao động đang làm việc chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật					
5.1	Không có trình độ chuyên môn kỹ thuật					
5.2	Công nhân kỹ thuật không có bằng/chứng chỉ					
5.3	Đào tạo thường xuyên					
5.4	Sơ cấp nghề					
5.5	Trung cấp					
5.6	Cao đẳng					
5.7	Đại học trở lên					

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm ghi chép			
		Ngày...	Ngày...	Ngày...	Ngày...
6	<b>Lao động đang làm việc chia theo nhóm nghề</b>				
5.1	Nhà lãnh đạo trong các ngành, các cấp, các đơn vị				
5.2	Nhà chuyên môn bậc cao/trung				
5.3	Nhân viên trợ lý văn phòng				
5.4	Nhân viên dịch vụ và bán hàng				
5.5	Lao động có kỹ năng trong lĩnh vực nông nghiệp (nông, lâm và thủy sản)				
5.6	Lao động thủ công và các nghề nghiệp có liên quan				
5.7	Thợ lắp ráp và vận hành máy móc, thiết bị				
5.8	Lao động giản đơn				
7	<b>Lao động đang làm việc chia theo lĩnh vực giáo dục - đào tạo</b>				
7.1	Kinh tế - xã hội				
7.2	Khoa học tự nhiên				
7.3	Kỹ thuật và công nghệ				
7.4	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và thú y				
7.5	Y tế, môi trường và các dịch vụ khác				
7.6	Chưa qua đào tạo				
8	<b>Tiền lương</b>				
8.1	Tiền lương bình quân 6 tháng đầu năm (1000đ/người/tháng)				
8.2	Tiền lương thấp nhất trong 6 tháng đầu năm (1000đ/người/tháng)				
8.3	Tiền lương cao nhất trong 6 tháng đầu năm (1000đ/người/tháng)				
9	<b>Nhu cầu tuyển dụng lao động</b>				
9.1	Tổng số lao động cần tuyển				
9.2	Số lao động cần tuyển chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật				
a	<i>Không có trình độ chuyên môn kỹ thuật</i>				
b	<i>Công nhân kỹ thuật không có bằng/chứng chỉ</i>				
c	<i>Đào tạo thường xuyên</i>				
d	<i>Sơ cấp nghề</i>				
e	<i>Trung cấp</i>				
g	<i>Cao đẳng</i>				
h	<i>Đại học trở lên</i>				